

Số: **45** /2022/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày **17** tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý doanh nghiệp thuộc tỉnh Điện Biên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân; Nghị định số 69/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn; Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu Nhà nước; Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính; Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện;

Thực hiện Quy định số 06-QĐ/TU ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Tỉnh ủy về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý doanh nghiệp thuộc tỉnh Điện Biên”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 và thay thế Quyết định số 04/2010/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc ban hành Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc Doanh nghiệp Nhà nước và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- VP Chính phủ;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy;
- HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Điện Biên Phủ;
- Lưu: VT, NC. ✓

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Thành Đô



QUY ĐỊNH

Phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý doanh nghiệp thuộc tỉnh Điện Biên

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **45** /2022/QĐ-UBND

ngày **17** tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về các nội dung có liên quan đến việc phân cấp cho Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong công tác quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý doanh nghiệp Nhà nước, kiểm soát viên, người đại diện phần vốn Nhà nước, người lao động, cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, tổ dân phố thuộc tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị:

a) Các Sở, ban, ngành, ban quản lý, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây gọi chung là cơ quan, đơn vị cấp tỉnh).

b) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) và cơ quan chuyên môn, ban quản lý, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c) Các tổ chức, đơn vị là cơ cấu tổ chức bên trong thuộc, trực thuộc cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, thuộc cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

d) Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã).

đ) Các tổ chức hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện được thành lập theo quy định của pháp luật.

e) Doanh nghiệp do Nhà nước nắm trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; doanh nghiệp do Nhà nước nắm không quá 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (sau đây gọi là doanh nghiệp có phần vốn Nhà nước).

g) Tổ chức tài chính Nhà nước thuộc tỉnh.

h) Các tổ chức khác thuộc tỉnh được thành lập theo quy định của cấp có thẩm quyền.

2. Biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh.

3. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bao gồm:

a) Cán bộ, công chức làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính, thuộc biên chế công chức.

b) Viên chức làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; người được bầu, được tuyển dụng trong biên chế của các hội, tổ chức khác được giao số lượng người làm việc (sau đây gọi chung là viên chức).

c) Cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, bản, tổ dân phố.

d) Người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên, người đại diện phần vốn Nhà nước bao gồm:

Người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, gồm: Chủ tịch Công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.

Kiểm soát viên tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có biểu quyết và người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm không quá 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

đ) Người lao động làm việc hợp đồng các công việc theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp quản lý

1. Đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với công tác tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ.

2. Đảm bảo sự thống nhất, thông suốt, nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quản lý, thực hiện đúng các quy định của pháp luật hiện hành và phù hợp với thực tiễn của địa phương.

3. Phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các cấp, các ngành và của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong công tác quản lý bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

4. Phân cấp phải gắn liền với thanh tra, kiểm tra, giám sát, nhằm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời những hạn chế hoặc vi phạm.

Điều 4. Nội dung quản lý về tổ chức bộ máy

1. Thành lập, tổ chức lại (bao gồm chia; tách; sáp nhập; hợp nhất; thay đổi chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, đổi tên), giải thể; quy định chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.
2. Phân loại cơ quan, tổ chức hành chính, xếp hạng đơn vị sự nghiệp công lập.
3. Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với đơn vị sự nghiệp công lập của Nhà nước.
4. Thành lập, tổ chức lại, giải thể và quản lý hoạt động các hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức tài chính Nhà nước.
5. Thành lập, tổ chức lại, giải thể đối với các tổ chức phối hợp liên ngành.
6. Thành lập, sáp nhập, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, bản, tổ dân phố; ghép cụm dân cư vào thôn, bản, tổ dân phố hiện có.
7. Thành lập, tổ chức lại, giải thể (gọi chung là sắp xếp, đổi mới) doanh nghiệp Nhà nước.
8. Hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra về tổ chức bộ máy cơ quan, đơn vị.

Điều 5. Nội dung quản lý về biên chế

1. Xác định biên chế công chức và vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính.
2. Xác định số lượng người làm việc và vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập, các hội, tổ chức khác.
3. Xây dựng kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, các hội, tổ chức khác hàng năm.
4. Phân bổ và bố trí sử dụng biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, các hội, tổ chức khác; số lượng cán bộ, công chức cấp xã, chức danh những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, bản, tổ dân phố.
5. Hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc quản lý biên chế công chức, số lượng người làm việc, vị trí việc làm trong các cơ quan, đơn vị; việc quản lý số lượng cán bộ, công chức cấp xã, những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, bản, tổ dân phố.
6. Thống kê, báo cáo về biên chế công chức, số lượng người làm việc, vị trí việc làm công chức, viên chức; cán bộ, công chức cấp xã, những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, bản, tổ dân phố.

Điều 6. Nội dung quản lý cán bộ, công chức, viên chức, người lao động

1. Tuyển dụng, bố trí, phân công, đình chỉ công tác, tiếp nhận, điều động, chuyển công tác, luân chuyển, biệt phái, phân cấp quản lý.
2. Nhận xét, đánh giá.
3. Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng.
4. Phê chuẩn kết quả bầu, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cho từ chức, cho thôi giữ chức vụ lãnh đạo quản lý.

5. Khen thưởng, kỷ luật.
6. Thực hiện chế độ, chính sách.
7. Thanh tra, kiểm tra, giám sát; giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Chương II

PHÂN CẤP QUẢN LÝ TỔ CHỨC BỘ MÁY

Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Thống nhất quản lý về tổ chức bộ máy các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh.
2. Trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (sau khi có Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy) và ban hành quyết định hành chính tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân (sau đây viết tắt là HĐND) tỉnh. Cho ý kiến việc thành lập, bãi bỏ cơ quan chuyên môn cấp huyện (sau khi có Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy).
3. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) tỉnh, của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh, của chi cục thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh.
4. Trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh (sau khi có Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy).
5. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể văn phòng, thanh tra, phòng chuyên môn, nghiệp vụ, chi cục và tổ chức tương đương thuộc cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; phòng thuộc cơ cấu tổ chức của chi cục thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; đơn vị bên trong của tổ chức hành chính khác thuộc UBND tỉnh (sau khi có Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy).
6. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các tổ chức hành chính khác thuộc UBND tỉnh theo quy định của pháp luật.
7. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc chi cục và tương đương thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức hành chính khác thuộc UBND tỉnh; khoa, phòng, trung tâm thuộc đơn vị sự nghiệp công lập (sau khi có Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy).
8. Cho ý kiến bằng văn bản về việc thành lập, tổ chức lại, giải thể của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện (sau khi có Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy).

9. Trình HĐND tỉnh quyết định thành lập, giải thể, sáp nhập, chia tách thôn, bản, tổ dân phố; đặt tên, đổi tên thôn, bản, tổ dân phố.

Điều 8. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Thay mặt UBND tỉnh ký các văn bản thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh theo Điều 7 của Quy định này và ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh theo thẩm quyền được phân cấp.

2. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc chi cục và tương đương thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức hành chính khác thuộc UBND tỉnh.

3. Quyết định cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên đối với: Tổ chức hội có phạm vi hoạt động trên địa bàn tỉnh (gọi chung là hội cấp tỉnh); tổ chức hội có phạm vi hoạt động trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là hội cấp huyện); cho ý kiến về thành lập, tổ chức lại, giải thể phòng, ban, đơn vị của hội cấp tỉnh có sử dụng ngân sách Nhà nước chi trả phụ cấp cho người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu phòng, ban, đơn vị đó. Quyết định phê duyệt điều lệ hội cấp tỉnh.

4. Quyết định cho phép thành lập, tổ chức lại, giải thể đối với: Quỹ xã hội, quỹ từ thiện có phạm vi hoạt động trên địa bàn tỉnh (gọi chung là quỹ xã hội, quỹ từ thiện cấp tỉnh); quỹ xã hội, quỹ từ thiện có phạm vi hoạt động trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là quỹ xã hội, quỹ từ thiện cấp huyện); quỹ xã hội, quỹ từ thiện có phạm vi hoạt động trên địa bàn xã, phường, thị trấn (gọi chung là quỹ xã hội, quỹ từ thiện cấp xã) có tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản. Quyết định phê duyệt điều lệ quỹ xã hội, quỹ từ thiện cấp tỉnh.

5. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đối với: Tổ chức tài chính Nhà nước thuộc tỉnh; đơn vị bên trong của tổ chức tài chính Nhà nước thuộc tỉnh. Quyết định phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính Nhà nước thuộc tỉnh.

6. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đối với tổ chức phối hợp liên ngành cấp tỉnh và các tổ chức khác theo quy định của pháp luật.

7. Quyết định các nội dung sắp xếp, đổi mới, phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp Nhà nước thuộc tỉnh.

8. Quyết định thành lập Hội đồng trường các trường Cao đẳng trực thuộc UBND tỉnh theo quy định của pháp luật.

9. Xếp hạng đối với: Các Ban quản lý, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh, các doanh nghiệp Nhà nước thuộc tỉnh, Bệnh viện Đa khoa tỉnh, các trường chuyên nghiệp thuộc cơ quan, đơn vị cấp tỉnh. Giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh.

Điều 9. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp tỉnh

1. Xây dựng Đề án tổ chức bộ máy của cơ quan, đơn vị đề trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh theo Điều 7, Điều 8 của Quy định này.

2. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, thanh tra, văn phòng, các khoa thuộc cơ quan, đơn vị. Quyết định về tổ chức các tổ, đội bên trong đơn vị sự nghiệp công lập của cơ quan, đơn vị mình.

3. Hướng dẫn thực hiện cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật.

4. Quyết định xếp hạng các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan, đơn vị cấp tỉnh (trừ các đơn vị thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh quy định tại khoản 9 Điều 8 Quy định này) theo quy định của pháp luật.

5. Tham gia ý kiến vào phương án xếp hạng, chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thuộc lĩnh vực của cơ quan, đơn vị quản lý.

6. Công nhận ban vận động thành lập hội đối với hội cấp tỉnh có phạm vi hoạt động thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của cơ quan, đơn vị.

7. Trình Chủ tịch UBND tỉnh thành lập tổ chức phối hợp liên ngành cấp tỉnh có nhiệm vụ chính thuộc phạm vi, lĩnh vực của cơ quan, đơn vị phụ trách hoặc cơ quan, đơn vị là đại diện thường trực của tổ chức phối hợp liên ngành.

Điều 10. Nhiệm vụ và quyền hạn của UBND cấp huyện

1. Trình HĐND cùng cấp quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện và ban hành quyết định hành chính để tổ chức thực hiện sau khi có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền (cơ quan Đảng, Nhà nước) theo quy định hiện hành.

2. Xây dựng Đề án tổ chức bộ máy các tổ chức hành chính, đơn vị thuộc UBND cấp huyện, trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh theo Điều 7, Điều 8 Quy định này.

3. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện.

4. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện, các cơ sở giáo dục và đào tạo (trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và cơ sở giáo dục đào tạo, dạy nghề khác) trên địa bàn cấp huyện sau khi thống nhất ý kiến với các cơ quan có liên quan và có ý kiến nhất trí chủ trương của cấp có thẩm quyền tại khoản 8 Điều 7 Quy định này. Quyết định tổ chức các tổ, đội bên trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện.

5. Quyết định xếp hạng các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện theo quy định của pháp luật.

6. Quyết định giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện.

7. Quyết định công nhận ban vận động thành lập hội cấp huyện; phê duyệt điều lệ tổ chức hội cấp huyện, xã; cho phép thành lập, tổ chức lại, giải thể hội cấp xã.

8. Quyết định cho phép thành lập, tổ chức lại, giải thể quỹ xã hội, quỹ từ thiện cấp xã (trừ quỹ có tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản quy định tại khoản 4 Điều 8 Quy định này).

9. Quyết định thành lập tổ chức phối hợp liên ngành cấp huyện.

Điều 11. Nhiệm vụ và quyền hạn của người đứng đầu doanh nghiệp Nhà nước, người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp thuộc tỉnh

1. Xây dựng đề án chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên, chuyển đổi hình thức quản lý, dự thảo điều lệ tổ chức, hoạt động trình Chủ tịch UBND tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định).

2. Xây dựng phương án xếp hạng doanh nghiệp trình Chủ tịch UBND tỉnh (qua Sở Lao động, Thương binh và Xã hội thẩm định).

3. Quyết định tổ chức bộ máy bên trong doanh nghiệp phù hợp điều lệ tổ chức, hoạt động và quy định của Nhà nước, bảo đảm kinh doanh hiệu quả.

4. Người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước từ 50% trở xuống có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xin ý kiến về các nội dung trên để thực hiện biểu quyết tại hội nghị của doanh nghiệp theo phần vốn góp Nhà nước được cử đại diện.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Sở Nội vụ

1. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn tại Điều 9 Quy định này.

2. Thẩm định trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh các Đề án tổ chức bộ máy thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh tại Điều 7, Điều 8 Quy định này (trừ tổ chức bộ máy và xếp hạng về doanh nghiệp).

3. Quyết định công nhận ban vận động thành lập hội cấp tỉnh đối với trường hợp không xác định được cơ quan quản lý Nhà nước về ngành, lĩnh vực hội dự kiến hoạt động.

4. Thanh tra, kiểm tra về tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh.

Điều 13. Quy trình ra quyết định về tổ chức bộ máy

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, UBND cấp huyện xây dựng Đề án tổ chức bộ máy thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, gửi Sở Nội vụ thẩm định để trình cấp ủy Đảng (Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh, Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo phân cấp quản lý) xem xét, cho ý kiến trước khi UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định hoặc chỉ đạo tổ chức thực hiện.

2. Các doanh nghiệp Nhà nước xây dựng Đề án sắp xếp (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định), xếp hạng doanh nghiệp (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định) trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Tổ chức bộ máy thuộc nhiệm vụ, thẩm quyền của UBND cấp huyện do UBND cấp huyện quy định quy trình ra quyết định về tổ chức bộ máy của huyện theo quy định của Đảng và Nhà nước.

Chương III **PHÂN CẤP QUẢN LÝ BIÊN CHẾ**

Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của UBND tỉnh

1. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, UBND cấp huyện xây dựng kế hoạch biên chế công chức, kế hoạch số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, Đề án vị trí việc làm hàng năm theo quy định.

2. Trình HĐND tỉnh quyết định biên chế công chức trong cơ quan của HĐND, UBND tỉnh; HĐND, UBND cấp huyện; phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập hàng năm; quyết định số lượng, chức danh những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn toàn tỉnh theo quy định của Chính phủ.

3. Quyết định giao biên chế công chức trong cơ quan của HĐND, UBND tỉnh; HĐND, UBND cấp huyện; số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách Nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên thuộc tỉnh; số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên thuộc tỉnh; số lượng người làm việc trong các hội có tính chất đặc thù. Cho ý kiến về số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên. Quyết định giao số lượng cán bộ, công chức cấp xã; quyết định số lượng, chức danh những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn toàn tỉnh theo quy định của Chính phủ và Nghị quyết của HĐND tỉnh.

4. Phê duyệt vị trí việc làm, điều chỉnh vị trí việc làm công chức; phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh.

5. Chỉ đạo tổ chức thực hiện tinh giản biên chế theo quy định.

6. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về quản lý biên chế thuộc thẩm quyền.

Điều 15. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Sở Nội vụ

1. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, UBND cấp huyện xây dựng kế hoạch biên chế công chức, kế hoạch số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, các hội, tổ chức khác và Đề án vị trí việc làm.

2. Tổ chức thẩm định biên chế công chức, số lượng người làm việc, Đề án vị trí việc làm, điều chỉnh vị trí việc làm của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, UBND cấp huyện; thẩm định tinh giản biên chế công chức, số lượng người làm việc của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, UBND cấp huyện.

3. Tổng hợp, xây dựng kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, các hội, tổ chức khác hàng năm trình UBND tỉnh báo cáo cơ quan có thẩm quyền.

4. Tham mưu các thủ tục trình cấp có thẩm quyền quyết định giao biên chế, số lượng người làm việc, phê duyệt Đề án vị trí việc làm.

5. Thanh tra, kiểm tra, giám sát cơ quan, đơn vị thực hiện biên chế, số lượng người làm việc được giao và tinh giản biên chế theo quy định.

Điều 16. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; của UBND cấp huyện

1. Tổ chức xây dựng kế hoạch biên chế công chức, kế hoạch số lượng người làm việc, Đề án vị trí việc làm theo hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh.

2. Quyết định giao biên chế công chức, số lượng người làm việc cho các phòng, ban, đơn vị trực thuộc theo số lượng được UBND tỉnh giao và bố trí, sử dụng biên chế công chức, số người làm việc theo đúng quy định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

3. Quyết định cơ cấu, số lượng hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP) và bố trí, sử dụng theo quy định.

4. Tổ chức thực hiện tinh giản biên chế theo quy định.

5. Báo cáo về tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, người làm việc tại cơ quan, đơn vị theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

6. Xây dựng Đề án vị trí việc làm, Đề án điều chỉnh vị trí việc làm công chức; xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trình UBND tỉnh phê duyệt.

Chương IV
PHÂN CẤP QUẢN LÝ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC,
VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 17. Nhiệm vụ và quyền hạn của UBND tỉnh

1. Trình HĐND tỉnh quy định về mức phụ cấp của từng chức danh, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã và mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; mức phụ cấp của từng chức danh, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách và mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố.

2. Quy định cụ thể tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý cấp Sở, chi cục thuộc Sở, phòng và tương đương thuộc Sở, phòng thuộc chi cục thuộc Sở và phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, bảo đảm phù hợp với đặc thù của địa phương và không được thấp hơn quy định khung của Chính phủ.

3. Đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ

Quyết định (hoặc cho ý kiến) đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu đối với Chủ tịch Công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kiểm soát viên theo quy định hiện hành.

4. Đối với doanh nghiệp có phần vốn Nhà nước

Quyết định đánh giá, cử, cử lại, cho thôi đại diện phần vốn Nhà nước, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu đối với người đại diện phần vốn Nhà nước theo quy định hiện hành.

Điều 18. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch UBND tỉnh

1. Quản lý thống nhất đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh.

2. Quản lý các nội dung tại Điều 6 Quy định này đối với các chức danh dưới đây theo Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy:

a) Giám đốc, Phó Giám đốc Sở và tương đương.

b) Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND cấp huyện.

c) Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng các trường chuyên nghiệp thuộc tỉnh; Giám đốc, Phó Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Giám đốc, Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án chuyên ngành cấp tỉnh.

d) Chủ tịch, Phó Chủ tịch các hội cấp tỉnh được Đảng, Nhà nước thành lập và giao nhiệm vụ. Riêng đối với trường hợp người đã nghỉ hưu được bầu giữ chức danh trên thì quản lý các nội dung về: Công nhận, phê chuẩn, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh; kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

đ) Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng các trường chuyên nghiệp thuộc cơ quan cấp tỉnh; Giám đốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh; Giám đốc Ban quản lý dự án các công trình cấp huyện.

e) Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc các doanh nghiệp Nhà nước giữ cổ phần chi phối từ hạng 2 trở lên (*trừ chức danh quy định tại khoản 4 Điều 17 Quy định này*).

g) Quản lý các chức danh khác theo quy định của pháp luật và phân cấp của tỉnh.

3. Xem xét cho thôi việc, chuyển ra ngoài cơ quan (Đảng, Nhà nước) của tỉnh đối với: Tiến sĩ, Bác sĩ chuyên khoa cấp II, Chuyên viên cao cấp và tương đương (*không thuộc các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này*).

4. Quyết định thành lập Hội đồng tuyển dụng công chức, Ban Giám sát tuyển dụng công chức; phê duyệt kết quả tuyển dụng công chức (*trong tuyển dụng công chức cấp tỉnh, cấp huyện*).

5. Quyết định thành lập Hội đồng Kiểm tra, sát hạch tiếp nhận vào làm công chức; quyết định hình thức và cách thức xác định kết quả sát hạch tiếp nhận vào làm công chức; phê duyệt kết quả kiểm tra, sát hạch tiếp nhận vào làm công chức. Cho ý kiến tiếp nhận vào làm công chức đối với trường hợp tiếp nhận để bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ trường phòng và tương đương trở xuống.

6. Quyết định khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định khen thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.

7. Quyết định kỷ luật đối với các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm, phê chuẩn của Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định.

8. Quyết định bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với ngạch chuyên viên cao cấp hoặc tương đương, bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp hạng I sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ; quyết định bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với công chức trúng tuyển kỳ nâng ngạch, viên chức trúng tuyển kỳ thi thăng hạng lên chuyên viên chính hoặc tương đương; quyết định chuyển ngạch, nâng lương ngạch chuyên viên cao cấp hoặc tương đương, chức danh nghề nghiệp tương đương ngạch chuyên viên cao cấp.

9. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm ngạch thanh tra viên, trợ giúp viên pháp lý; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm chức danh kế toán trưởng tại các cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức chức danh Trưởng phòng công chứng.

Điều 19. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Sở Nội vụ

1. Thực hiện quản lý công chức, viên chức, người lao động thuộc Sở theo các nội dung tại Điều 6 Quy định này.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng quy định cụ thể tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý cấp Sở trình UBND tỉnh quyết định.

3. Về công tác tuyển dụng

a) Thẩm định, tổng hợp nhu cầu tuyển dụng công chức, tiếp nhận vào làm công chức cấp tỉnh, cấp huyện của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, UBND cấp huyện; xây dựng kế hoạch tuyển dụng công chức, tiếp nhận vào làm công chức cấp tỉnh, cấp huyện trình UBND tỉnh phê duyệt và tham mưu tổ chức thực hiện.

b) Quyết định tuyển dụng công chức sau khi có quyết định phê duyệt kết quả tuyển dụng công chức của Chủ tịch UBND tỉnh; quyết định tiếp nhận vào làm công chức sau khi có quyết định phê duyệt kết quả kiểm tra, sát hạch tiếp nhận vào làm công chức hoặc có ý kiến tiếp nhận vào làm công chức đối với trường hợp tiếp nhận để bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ trường

phòng và tương đương trở xuống của Chủ tịch UBND tỉnh; quyết định bổ nhiệm ngạch và xếp lương cho công chức cấp tỉnh, cấp huyện được tuyển dụng đã hoàn thành chế độ tập sự đạt yêu cầu hoặc hủy bỏ quyết định tuyển dụng công chức cấp tỉnh, cấp huyện đối với người tập sự không đạt yêu cầu sau thời gian tập sự hoặc có hành vi vi phạm đến mức phải xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức theo đề nghị của cơ quan, đơn vị.

c) Quyết định phê duyệt kế hoạch và kết quả tuyển dụng viên chức của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, UBND cấp huyện; cho ý kiến thực hiện quy trình tiếp nhận vào làm viên chức, công nhận kết quả tiếp nhận vào làm viên chức; phê duyệt phương án và kết quả tuyển dụng công chức cấp xã.

4. Phê duyệt chỉ tiêu, nội dung, hình thức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức có hệ số lương tương đương với hệ số lương ở ngạch chuyên viên trở xuống của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, UBND cấp huyện kể cả các chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II.

5. Quyết định điều động, tiếp nhận, biệt phái, chuyển công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, cấp huyện giữa các cấp, các ngành, từ trong tỉnh ra ngoài tỉnh và từ ngoài tỉnh vào trong tỉnh (*gồm cả điều động từ công chức thành viên chức trong nội bộ cơ quan, đơn vị*); quyết định chuyển chức danh nghề nghiệp và xếp lương từ công chức thành viên chức của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, UBND cấp huyện.

6. Cho ý kiến trước khi điều động, luân chuyển đối với cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, cấp huyện thành cán bộ cấp xã; nhân sự ứng cử để bầu các chức danh cán bộ cấp xã.

7. Cho ý kiến bằng văn bản việc điều động, tiếp nhận công chức cấp xã từ trong tỉnh ra ngoài tỉnh và từ ngoài tỉnh vào trong tỉnh.

8. Về bầu cử, bổ nhiệm, từ chức, miễn nhiệm, cho thôi giữ chức vụ; quản lý ngạch công chức, hạng viên chức.

a) Thông báo bầu cử, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cho từ chức, miễn nhiệm, cho thôi giữ chức vụ đối với trưởng phòng và tương đương thuộc cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện.

b) Cho ý kiến hoặc trình cấp có thẩm quyền cho ý kiến (*đối với trường hợp cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý của Chủ tịch UBND tỉnh*) và phê chuẩn, công nhận kết quả bầu Ủy viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Chánh Văn phòng hội cấp tỉnh và tương đương (*trừ trường hợp Điều lệ của hội có quy định khác*).

c) Quyết định bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp hạng II (có hệ số lương từ 4,00) đối với viên chức trúng tuyển kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; quyết định bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với công chức trúng tuyển kỳ nâng ngạch chuyên viên hoặc tương đương, ngạch cán sự hoặc tương đương; quyết định chuyển ngạch chuyên viên chính hoặc tương

đương, chuyển chức danh nghề nghiệp đối với viên chức hạng II (trừ các chức danh quy định tại khoản 2 Điều 18 Quy định này).

9. Tham mưu UBND tỉnh quản lý thống nhất công tác quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức toàn tỉnh; thông báo cho đơn vị cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo tiến sĩ, bác sĩ, dược sĩ chuyên khoa cấp II và tương đương trở lên ở trong nước.

10. Thông báo cho các cơ quan, đơn vị quyết định nghỉ hưu và các hình thức kỷ luật đối với chức danh trưởng phòng và tương đương cấp tỉnh, cấp huyện (*trừ chức danh Trưởng phòng Công chứng và các chức danh thuộc thẩm quyền quản lý của Chủ tịch UBND tỉnh*).

11. Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và lãnh đạo UBND cấp huyện. Quản lý thẻ, mã số thẻ và số hiệu cán bộ, công chức, viên chức toàn tỉnh.

12. Thanh tra, kiểm tra việc quản lý cán bộ, công chức, viên chức; việc tổ chức tuyển dụng; thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền.

Điều 20. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh

1. Quản lý công chức, viên chức, người lao động thuộc cơ quan, đơn vị theo các nội dung quy định tại Điều 6 Quy định này, đồng thời phối hợp với Chủ tịch UBND cấp huyện quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành tại các đơn vị huyện quản lý theo quy định của pháp luật; đề xuất với cơ quan có thẩm quyền các nội dung quản lý đối với cán bộ, công chức, viên chức diện cấp trên hoặc cơ quan có thẩm quyền quản lý công tác tại cơ quan, đơn vị.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng quy định cụ thể tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý chi cục thuộc cơ quan, đơn vị, phòng và tương đương thuộc cơ quan, đơn vị và phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của ngành, bảo đảm phù hợp với đặc thù của địa phương và không thấp hơn quy định khung của Chính phủ trình UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) quyết định.

3. Về công tác tuyển dụng

a) Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm và biên chế được giao để đăng ký nhu cầu tuyển dụng công chức, tiếp nhận vào làm công chức của đơn vị gửi Sở Nội vụ tổng hợp, thẩm định.

b) Quyết định cử công chức cùng ngạch hoặc ngạch cao hơn, có năng lực và kinh nghiệm về chuyên môn, nghiệp vụ hướng dẫn người tập sự sau khi có quyết định tuyển dụng công chức của Sở Nội vụ; đánh giá phẩm chất chính trị, đạo đức và kết quả công việc của người tập sự, đề nghị Sở Nội vụ quyết định bổ nhiệm ngạch và xếp lương cho công chức được tuyển dụng đã hoàn thành chế độ tập sự đạt yêu cầu hoặc hủy bỏ quyết định tuyển dụng công chức đối với người

tập sự không đạt yêu cầu sau thời gian tập sự hoặc có hành vi vi phạm đến mức phải xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

c) Xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức, văn bản đề nghị thực hiện quy trình tiếp nhận vào làm viên chức gửi Sở Nội vụ phê duyệt kế hoạch tuyển dụng viên chức, cho ý kiến thực hiện quy trình tiếp nhận vào làm viên chức và tổ chức tuyển dụng, tiếp nhận theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định; quyết định tuyển dụng viên chức, tiếp nhận vào làm viên chức căn cứ kết quả tuyển dụng viên chức, kết quả tiếp nhận vào làm viên chức được Sở Nội vụ phê duyệt, công nhận; quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức đối với người hoàn thành chế độ tập sự; hủy bỏ quyết định tuyển dụng viên chức đối với người tập sự không đạt yêu cầu sau thời gian tập sự hoặc có hành vi vi phạm đến mức phải xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

d) Thực hiện hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP) theo quy định hiện hành.

4. Xây dựng Đề án tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức có hệ số lương tương đương với hệ số lương ở ngạch chuyên viên trở xuống thuộc thẩm quyền quản lý gửi Sở Nội vụ phê duyệt. Chủ trì tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của Đề án đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật. Phê duyệt danh sách, bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

5. Quyết định chuyển ngạch chuyên viên hoặc tương đương trở xuống, chuyển chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II, chức danh nghề nghiệp đối với viên chức từ hạng III trở xuống (trừ các chức danh quy định tại khoản 2 Điều 18 Quy định này).

6. Quyết định điều động, biệt phái, bố trí công tác cán bộ, công chức, viên chức trong nội bộ các đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý (*trừ những trường hợp quy định tại Điều 18, Điều 19 Quy định này*).

7. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đến tuổi nghỉ hưu, miễn nhiệm, cho thôi giữ chức vụ trưởng phòng và tương đương trở xuống (*các chức danh thuộc quản lý của cơ quan có thẩm quyền thì thực hiện theo thông báo*).

Thông nhất với Sở Tài chính, trình Chủ tịch UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) đề bổ nhiệm kế toán trưởng của cơ quan, đơn vị. Quyết định bổ nhiệm kế toán trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc theo quy định; giao phụ trách kế toán đối với trường hợp chưa đủ điều kiện bổ nhiệm kế toán trưởng.

8. Quyết định nâng lương từ ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương trở xuống đối với công chức, viên chức từ cấp trưởng phòng trở xuống (*trừ đối tượng tinh giản*); quyết định thực hiện phụ cấp đặc thù theo ngành, lĩnh vực

đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc cơ quan, đơn vị (bao gồm cả đối tượng tinh giản lý).

9. Quyết định cho thôi việc, nghỉ hưu đối với cán bộ, công chức, viên chức từ trưởng phòng và tương đương trở xuống (các chức danh thuộc quản lý của cơ quan có thẩm quyền thì thực hiện theo thông báo).

10. Quyết định kỷ luật công chức, viên chức theo quy định đối với trưởng phòng và tương đương trở xuống (các chức danh thuộc quản lý của cơ quan có thẩm quyền thì thực hiện theo thông báo).

11. Quyết định cử công chức, viên chức đi đào tạo tiến sĩ, bác sĩ, dược sĩ chuyên khoa cấp II và tương đương trở lên ở trong nước sau khi có thông báo của Sở Nội vụ; quyết định cử công chức, viên chức đi đào tạo thạc sĩ, bác sĩ, dược sĩ chuyên khoa cấp I trở xuống ở trong nước.

12. Trực tiếp nhận xét, đánh giá công chức, viên chức cơ quan, đơn vị quản lý; lưu hồ sơ bản đánh giá đối với cá nhân; quản lý hồ sơ công chức, viên chức thuộc cơ quan, đơn vị theo quy định.

Điều 21. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch UBND cấp huyện

1. Thực hiện quản lý cán bộ, công chức, viên chức, người lao động (bao gồm cả cán bộ, công chức cấp xã) thuộc huyện theo các nội dung quy định tại Điều 6 Quy định này; phối hợp với ngành quản lý cán bộ, công chức, viên chức các đơn vị thuộc ngành đóng trên địa bàn huyện theo quy định của pháp luật; đề xuất với cơ quan có thẩm quyền các nội dung quản lý đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện cấp trên hoặc cơ quan có thẩm quyền quản lý công tác tại huyện.

2. Chủ trì xây dựng quy định cụ thể tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện (trừ trường hợp pháp luật có quy định khác) bảo đảm phù hợp với đặc thù của địa phương và không thấp hơn quy định khung của Chính phủ trình UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) quyết định.

3. Về công tác tuyển dụng

a) Trong tuyển dụng công chức cấp huyện: Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm và biên chế được giao để đăng ký nhu cầu tuyển dụng công chức, tiếp nhận vào làm công chức của địa phương gửi Sở Nội vụ tổng hợp, thẩm định; quyết định cử công chức cùng ngạch hoặc ngạch cao hơn, có năng lực và kinh nghiệm về chuyên môn, nghiệp vụ hướng dẫn người tập sự sau khi có quyết định tuyển dụng công chức của Sở Nội vụ; đánh giá phẩm chất chính trị, đạo đức và kết quả công việc của người tập sự, đề nghị Sở Nội vụ quyết định bổ nhiệm ngạch và xếp lương cho công chức được tuyển dụng đã hoàn thành chế độ tập sự đạt yêu cầu hoặc hủy bỏ quyết định tuyển dụng công chức đối với người tập sự không đạt yêu cầu sau thời gian tập sự hoặc có hành vi vi phạm đến mức phải xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

b) Trong tuyển dụng viên chức: Xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức, văn bản đề nghị thực hiện quy trình tiếp nhận vào làm viên chức gửi Sở Nội vụ phê duyệt kế hoạch tuyển dụng viên chức, cho ý kiến thực hiện quy trình tiếp nhận vào làm viên chức và tổ chức tuyển dụng, tiếp nhận theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định; căn cứ kết quả tuyển dụng viên chức, kết quả tiếp nhận vào làm viên chức đã được Sở Nội vụ phê duyệt, công nhận ra quyết định tuyển dụng viên chức, tiếp nhận vào làm viên chức; quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức đối với người hoàn thành chế độ tập sự; hủy bỏ quyết định tuyển dụng viên chức đối với người tập sự không đạt yêu cầu sau thời gian tập sự hoặc có hành vi vi phạm đến mức phải xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

c) Trong tuyển dụng công chức cấp xã: Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 04/2022/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh Điện Biên ban hành Quy chế tổ chức tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

d) Thực hiện hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP) theo quy định hiện hành.

4. Xây dựng Đề án tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức có hệ số lương tương đương với hệ số lương ở ngạch chuyên viên trở xuống (kể cả chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II) thuộc thẩm quyền quản lý gửi Sở Nội vụ phê duyệt. Chủ trì tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của Đề án đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật. Phê duyệt danh sách, bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

5. Quyết định chuyển ngạch chuyên viên hoặc tương đương trở xuống, chuyển chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II, chức danh nghề nghiệp đối với viên chức từ hạng III trở xuống (trừ các chức danh quy định tại khoản 2 Điều 18 Quy định này).

6. Quyết định điều động, biệt phái, bố trí công tác cán bộ, công chức, viên chức trong nội bộ các đơn vị thuộc huyện quản lý (*trừ những trường hợp quy định tại Điều 18, Điều 19 Quy định này*).

7. Quyết định việc điều động, tiếp nhận công chức cấp xã từ xã, phường, thị trấn của cấp huyện này chuyển sang làm việc ở xã, phường, thị trấn của cấp huyện khác trong tỉnh. Quyết định điều động, tiếp nhận công chức cấp xã từ trong tỉnh ra ngoài tỉnh và từ ngoài tỉnh vào trong tỉnh sau khi có ý kiến bằng văn bản của Sở Nội vụ.

8. Đề nghị Sở Nội vụ cho ý kiến về việc điều động, luân chuyển đối với cán bộ, công chức, viên chức thành cán bộ cấp xã, về việc nhân sự ứng cử để bầu các chức danh cán bộ cấp xã.

9. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đến tuổi nghỉ hưu, phê chuẩn, miễn nhiệm, cho thôi giữ chức vụ trưởng phòng và tương đương trở xuống, cán bộ cấp xã (*các chức danh thuộc quản lý của cơ quan có thẩm quyền thì thực hiện theo thông báo*).

Bổ nhiệm kế toán trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc theo quy định. Giao phụ trách kế toán đối với trường hợp chưa đủ điều kiện bổ nhiệm kế toán trưởng.

10. Quyết định nâng lương, điều chỉnh lương từ chuyên viên chính hoặc tương đương trở xuống đối với công chức, viên chức từ cấp trưởng phòng trở xuống (*trừ đối tượng thuộc tỉnh quản lý*); quyết định thực hiện phụ cấp đặc thù theo ngành, lĩnh vực đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc cơ quan, đơn vị (*bao gồm cả đối tượng tỉnh quản lý*).

11. Quyết định cho thôi việc, nghỉ hưu đối với cán bộ, công chức, viên chức từ cấp trưởng phòng trở xuống (*các chức danh thuộc quản lý của cơ quan có thẩm quyền thì thực hiện theo thông báo*).

12. Quyết định kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức theo quy định đối với trưởng phòng và tương đương trở xuống (*chức danh thuộc quản lý của cơ quan có thẩm quyền thì thực hiện theo thông báo*).

13. Quyết định cử đi đào tạo tiến sĩ, bác sĩ, dược sĩ chuyên khoa cấp II và tương đương trở lên ở trong nước sau khi có thông báo của Sở Nội vụ; quyết định cử đi đào tạo thạc sĩ, bác sĩ, dược sĩ chuyên khoa cấp I trở xuống ở trong nước.

14. Trực tiếp nhận xét, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức huyện quản lý; lưu hồ sơ bản đánh giá đối với cá nhân; quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức thuộc huyện theo quy định.

15. Quyết định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của cấp huyện theo quy định của Đảng, Nhà nước, của cơ quan cấp trên và cấp ủy địa phương.

Điều 22. Chủ tịch Công ty

Thực hiện quản lý cán bộ, công nhân viên thuộc Công ty theo quy định pháp luật, đồng thời thực hiện:

1. Đề xuất với UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định hoặc cho ý kiến đối với các chức danh cán bộ quản lý Công ty tại Điều 17, 18 Quy định này (qua Sở Nội vụ).

2. Bổ nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc Công ty theo thông báo ý kiến hoặc phê duyệt chủ trương của Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Bổ nhiệm kế toán trưởng sau khi thống nhất với Giám đốc Sở Tài chính.

4. Quyết định bố trí, phân công công tác đối với cán bộ, công nhân viên thuộc Công ty.

5. Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống có trách nhiệm chủ động báo cáo cơ quan quản lý Nhà nước ngành, lĩnh vực công tác khi tham gia biểu quyết bằng phần vốn Nhà nước giao đại diện.

Điều 23. Quy trình thực hiện công tác cán bộ

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch Công ty:

a) Thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng, các quy định của cơ quan cấp trên và của địa phương trong công tác cán bộ.

b) Xây dựng tờ trình phương án công tác cán bộ, hồ sơ cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh, gửi Sở Nội vụ thẩm định để trình cấp ủy Đảng (Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh, Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo phân cấp quản lý) xem xét, cho ý kiến để Chủ tịch UBND tỉnh quyết định hoặc chỉ đạo tổ chức thực hiện.

c) Xây dựng tờ trình phương án công tác cán bộ, hồ sơ cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định gửi Sở Nội vụ để xem xét theo quy định.

2. Công tác cán bộ thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và UBND cấp huyện do cơ quan, đơn vị, địa phương quy định cụ thể đảm bảo theo đúng quy định pháp luật.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các phương án, kế hoạch tuyển dụng công chức cấp tỉnh, cấp huyện của các cơ quan, đơn vị, địa phương đã được Sở Nội vụ phê duyệt trước ngày 01 tháng 01 năm 2023 thì được thực hiện theo Quyết định phê duyệt phương án tuyển dụng của Sở Nội vụ.

Điều 25. Trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch Công ty

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch Công ty căn cứ phạm vi được phân cấp thực hiện quản lý đối với các cơ quan, đơn vị trực thuộc, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý và chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định của mình trong phạm vi được phân cấp.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét giải quyết.

Điều 26. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Nội vụ

Giao Giám đốc Sở Nội vụ theo dõi, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Quy định này./.
